

Phụ lục

NGIAO BỎ SUND DƯ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 41/2024/QĐ-SNN ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị tính: đồng.

STT	NỘI DUNG	MSNS	Chương	Khoản	Nguồn	MDPNS	Tổng số
	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	1029504	412				155.160.000
I	VĂN PHÒNG SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	1030253	412				65.960.000
	Chi quản lý hành chính (Loại 340, khoản 341)	1030253	412	340			65.960.000
	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ.						65.960.000
	* Nguồn 13	1030253	412	341	13	200	65.960.000
	- Kinh phí hỗ trợ HDLD theo Nghị định số 111/NĐ-CP của Chính phủ (01 người)						65.960.000
II	CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y	1029500	412				89.200.000
	Chi quản lý hành chính (Loại 340, khoản 341)	1029500	412	340			89.200.000
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						89.200.000
	* Nguồn 15	1029500	412	341	15	200	89.200.000
	- Kinh phí phục vụ công tác thu phí						89.200.000